

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/DS-ST**

Ngày: 28-9-2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Huỳnh Văn Thêm.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXXST-DS ngày 26/8/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần (TMCP) Kiên Long; Trụ sở số 40 - 42 - 44 Phạm Hồng Thái, phường A, thành phố B, tỉnh Kiên Giang; người đại diện theo pháp luật bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng giám đốc, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thái D - Giám đốc ngân hàng TMCP Kiên Long - Phòng giao dịch Huyện C (Có mặt).

*** Bị đơn:**

1- Ông Trần Thanh V, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

2- Bà Hồ Thị Kim T, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

3- Anh Trần Minh T, sinh ngày 17/11/2002 (Người đại diện ông V, bà T).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thái D trình bày:** Năm 2011 Ngân hàng có cho vợ chồng ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T vay số tiền 80.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số NL0378.01/HĐTD ngày 13/5/2011, thời hạn

vay 12 tháng, ngày đến hạn là 17/5/2012; Lãi suất kể từ ngày 13/5/2011 đến ngày 13/8/2011 là 2%/tháng, kể từ ngày 14/8/2011 trở đi lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng tiền gửi tiết kiệm 13 tháng, lãnh lãi suất cuối kỳ của Ngân hàng Kiên Long tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0.64%/tháng. Lãi suất vay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả 0.1%/ngày. Hình thức thanh toán lãi vay được trả 02 lần; gốc trả cuối kỳ.

Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay của hợp đồng tín dụng NL0378.01/HĐTD ngày 13/5/2011 theo hợp đồng thế chấp số NL0378/HĐTC ngày 13/5/2011 gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 29.960m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang thuộc các thửa 69, 70, 193, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 483154 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25/11/2002 do ông Trần Thanh V đứng tên giấy chứng nhận.

Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã được Ủy ban nhân dân xã B chứng thực ngày 17/5/2011 và tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất U, tỉnh Kiên Giang ngày 17/5/2011 theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì phía ông V, bà T liên tục vi phạm hợp đồng tín dụng là không thanh toán nợ, Ngân hàng có yêu cầu nhiều lần nhưng ông V và bà T vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 19/4/2019 ông Trần Thanh V và bà Hồ Thị Kim T còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc là 56.000.000 đồng, Lãi trong hạn 20.554.667 đồng; tiền phạt chậm trả 53.816.971 đồng; lãi quá hạn 199.448.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 329.819.638 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T, anh Trần Minh T trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến 28/9/2020 là 305.570.667 đồng (Trong đó vốn gốc là 56.000.000 đồng tiền lãi trong hạn là 20.554.667 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 17/5/2011 đến ngày 28/9/2020 là 229.016.000 đồng). Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả tiền phạt chậm trả là 53.816.971 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 17/8/2019 bị đơn ông Trần Thanh V và bà Hồ Thị Kim T trình bày: Trước đây vợ chồng ông có ký hợp đồng vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long vay số tiền 80.000.000 đồng, từ khi vay đến nay ông V, bà T đã trả được 24.000.000 đồng cho Ngân hàng và còn thiếu lại vốn gốc 56.000.000 đồng và số lãi phát sinh tổng cộng là 329.819.638 đồng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông bà xin được trả số tiền trên trong vòng 60 ngày.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy ngày 13/5/2011 Ngân hàng có ký hợp đồng tính dụng cho bà T ông V vay số tiền 80.000.000 đồng là có thực. Đến ngày 27/12/2018 ông V, bà T đã trả cho Ngân hàng được số tiền 24.000.000 đồng. Sau đó ông V, bà T không trả nợ gốc và lãi nữa. Số tiền còn lại là 56.000.000 đồng và lãi phát sinh chưa trả, nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T và anh Trần Minh T trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 56.000.000 đồng, lãi trong hạn là 20.554.667 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 17/5/2011 đến ngày 28/9/2020 là 229.016.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 305.570.667 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Kiên Long buộc ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T và anh Trần Minh T cùng liên đới trả số tiền vốn gốc là 56.000.000 đồng tiền lãi trong hạn là 20.554.667 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 17/5/2011 đến ngày 28/9/2020 là 229.016.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 305.570.667 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu trả tiền phạt chậm trả là 53.816.971đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Bị đơn ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T và anh Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông V, bà T, anh T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông V, bà T, anh T.

[1.2] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long yêu cầu ông V, bà T, anh T trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay gốc và lãi là 329.819.638 trong đó: Nợ gốc 56.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 20.554.667 đồng, tiền phạt chậm trả 53.816.971 đồng, lãi quá hạn 253.264.972, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long xác định yêu cầu ông V, bà T, anh T trả cho Ngân hàng trả số nợ còn thiếu là 305.570.667

đồng (Trong đó số tiền vốn gốc là 56.000.000 đồng tiền lãi trong hạn là 20.554.667 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 17/5/2011 đến ngày 28/9/2020 là 229.016.000 đồng). Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Điều 1 Nghị quyết số 01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án ông V trình bày phần đất ông thế chấp vay tiền ngân hàng, ông cho ông Nguyễn Chúc P thuê hai bên thỏa thuận miệng không có lập thành văn bản, thời gian cho thuê từ năm 2014 đến tháng 3/2020 là hết hạn hợp đồng thuê. Tòa án có thông báo cho ông V, bà T biết để cung cấp địa chỉ của ông Nguyễn Chúc P để Tòa án tiến hành đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Nhưng ông V, bà T không cung cấp được và qua xác minh tại địa phương nơi có phần đất ông V, bà T cho ông P thuê cũng không xác định được địa chỉ của ông Nguyễn Chúc P nên Tòa án không thể đưa ông P vào tham gia tố tụng trong vụ vụ án đang giải quyết. Nếu sau này giữa ông V, bà T và ông P có xảy ra tranh chấp hợp đồng thuê đất đối với phần đất mà ông V, bà T đang thế chấp tại Ngân hàng Kiên Long thì sẽ xem xét giải quyết trong một vụ kiện khác.

[1.4] Tại phiên tòa ông Nguyễn Thái D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu đối với phần tiền phạt chậm trả là 53.816.971 đồng HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu đối với số tiền 53.816.971 đồng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng đối với số tiền 53.816.971 đồng.

[2] *Nội dung tranh chấp*: Người đại diện của Ngân hàng ông Nguyễn Thái D và bị đơn ông V, bà T đều thống nhất vào 13/5/2011 Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng cho bà T, ông V vay số tiền 80.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số NL0378.01/HĐTD ngày 13/5/2011. Hợp đồng đã hết hạn nhưng ông V và bà T không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận giải quyết buộc ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T, anh Trần Minh T trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi 305.570.667 đồng (Trong đó vốn gốc là 56.000.000 đồng tiền lãi trong hạn là 20.554.667 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 17/5/2011 đến ngày 28/9/2020 là 229.016.000 đồng). Phía nguyên đơn là Ngân hàng và bị đơn là ông V, bà T thống nhất số nợ trên nên HĐXX căn cứ Điều 92 (*Quy định về những*

ình tiết, sự kiện không phải chứng minh) của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận đó là sự thật.

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long thấy rằng:* Việc Ngân hàng cho ông V, bà T vay tiền có lập hợp đồng và đều được các bên thừa nhận và thống nhất số tiền vay. Các bên chỉ không thống nhất được với nhau về phương thức và thời gian trả nợ vay. Phía Ngân hàng yêu cầu ông V, bà T, anh T phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi. Ông V, bà T hứa trả trong vòng 02 tháng, nhưng yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông V, bà T. Buộc ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T và anh Trần Minh T trả số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng tổng cộng 305.570.667 đồng trong đó vốn gốc là 56.000.000 đồng tiền lãi trong hạn là 20.554.667 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 17/5/2011 đến ngày 28/9/2020 là 229.016.000 đồng.

[2.2] *Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long về việc yêu cầu trả lãi suất trong hạn là 20.554.667 đồng và lãi suất quá hạn 229.016.000 đồng:* Hội đồng xét xử thấy rằng khi cho vay các bên đã thỏa thuận lãi suất vay, bên bị đơn cũng thống nhất không có ý kiến gì. Xét thấy việc tự thỏa thuận lãi suất giữa các bên trong hợp đồng vay là phù hợp theo quy định tại Điều 91 (Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng) của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên trong hợp đồng tín dụng là không vượt quá các quy định của pháp luật về lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi suất khoản nợ vay.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Buộc ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T và anh Trần Minh T liên đới trả số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng tổng cộng 305.570.667 đồng (Trong đó vốn gốc là 56.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 20.554.667 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 17/5/2011 đến ngày 28/9/2020 là 229.016.000 đồng).

[2.3] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền 305.570.667 đồng là 305.570.667 đồng x 5% = 15.278.533 (làm tròn 15.278.500) đồng. Do bị đơn ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T và anh Trần Minh T bị buộc trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 228, Điều 244, Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T và anh Trần Minh T.

Buộc bị đơn ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T và anh Trần Minh T phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long số tiền nợ là 305.570.667 đồng (Trong đó vốn gốc là 56.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 20.554.667 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 17/5/2011 đến ngày 28/9/2020 là 229.016.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông V, bà T, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông V, bà T, anh T không thanh toán số tiền như thỏa thuận thì phía Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp QSD đất số NL0378/HĐTC ngày 13/5/2011 gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 29.960m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang thuộc các thửa 69, 70, 193, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 483154 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25/11/2002 do ông Trần Thanh V đứng tên giấy chứng nhận.

Kể từ ngày ông V, bà T, anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long có trách nhiệm hoàn trả cho ông V, bà T giấy chứng nhận QSD đất theo hợp đồng thế chấp số NL0378/HĐTC ngày 13/5/2011 gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 29.960m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang thuộc các thửa 69, 70, 193, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 483154 do Ủy

ban nhân dân huyện C cấp ngày 25/11/2002 do ông Trần Thanh V đứng tên giấy chứng nhận.

2. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long đối với ông V, bà T, anh T về việc yêu cầu trả số tiền 53.816.971 đồng tiền phạt chậm trả.

3. *Về án phí*: Ông Trần Thanh V, bà Hồ Thị Kim T và anh Trần Minh T phải liên đới chịu án phí 15.278.500 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long - Phòng giao dịch huyện C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.245.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000141, ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2020). Các bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Mỹ Vinh
(Đã ký)**